

Điều 2. — Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 65-CT ngày 5-3-1990 về việc thành lập Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật trực thuộc Viện Khoa học Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam (công văn số 544-VKH/TT ngày 30-3-1989 và công văn số 579-VKH/TCCB ngày 4-4-1989) và ý kiến Ban Tổ chức của Chính phủ (công văn số 125-TCCP ngày 5-5-1989), Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước (công văn số 57-THKH ngày 12-1-1990),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập các Viện sau đây trực thuộc Viện Khoa học Việt Nam:

1. Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên trên cơ sở trung tâm hóa học các hợp chất thiên nhiên.

2. Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật trên cơ sở trung tâm sinh thái và tài nguyên sinh vật.

Điều 2. — Mỗi Viện do một Viện trưởng phụ trách, giúp việc Viện trưởng có từ 1 đến 2 Phó Viện trưởng.

Điều 3. — Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, và Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật.

Điều 4. — Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Trưởng ban Ban Tổ chức của Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 106-CT ngày 2-4-1990 về một số chế độ đối với công nhân viên chức và các đối tượng chính sách xã hội.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ kết luận của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 22 tháng 2 năm 1990,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Bổ sung một số chế độ cho các đối tượng chính sách xã hội như sau:

— Trợ cấp thêm 6.000 đồng/tháng (sáu nghìn đồng) cho cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945 đang hưởng sinh hoạt phí hàng tháng.

— Điều chỉnh mức trợ cấp tiền tuất hàng tháng đối với thân nhân của công nhân viên chức và quân nhân tử trận từ 3090đ/tháng lên 5.000đ/tháng (năm nghìn đồng).

— Thân nhân liệt sĩ và người có công giúp đỡ cách mạng cô đơn không nơi nương tựa hưởng sinh hoạt phí nuôi dưỡng hàng tháng, khi chết được cấp tiền mai táng phí theo chế độ như công nhân viên chức.

— Thương binh hạng I, bệnh binh hạng I đang được nuôi dưỡng tại các đơn vị quân đội hoặc ở cơ sở nuôi dưỡng của ngành Lao động — Thương binh và xã hội nay về sống với gia đình thì tùy hoàn cảnh gia đình của từng người, Nhà nước có thể trợ giúp một phần cho một số địa phương để giải quyết khó khăn về nhà ở bằng một khoản kinh phí đã bố trí trong vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1990.

Điều 2. — Các chế độ quy định trên đây có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 1990. Bộ Lao động — Thương binh và xã hội thỏa thuận với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. — Bộ Lao động — Thương binh và xã hội bàn bạc thống nhất với Bộ Tài chính, trao đổi với một số Bộ, ngành liên quan bổ sung, sửa đổi một số chế độ quá bất hợp lý: phụ cấp ca trực bệnh viện, bồi dưỡng phát thanh viên, phụ cấp buổi biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp; nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét tiếp một số chế độ: phụ cấp thâm niên vượt khung, chế độ đối với anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, cán bộ kỹ thuật đầu ngành, công nhân có bằng lao động sáng tạo..

Điều 4. — Thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 12-TC/CTN ngày 5-3-1990 hướng dẫn thu thuế đối với các hoạt động cho thuê nhà, cho thuê đất.

Căn cứ Pháp lệnh ngày 3 tháng 3 năm 1989 của Hội đồng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều trong Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa; Nghị định số 53-HĐBT ngày 27-5-1989 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh nói trên; Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu thuế đối với các hoạt động cho thuê nhà, cho thuê đất như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ

1. Mọi tổ chức cá nhân cho thuê nhà, cho thuê đất đều phải nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Thông tư này.

— Tổ chức, cá nhân bao gồm: các tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan Nhà nước, cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị kinh tế quốc doanh, đơn vị lực lượng vũ trang, cơ sở tập thể, hộ cá thể cho các tổ chức hay cá nhân khác thuê nhà, thuê đất.

— Nhà đất cho thuê bao gồm cả nhà ở, nhà hàng, nhà kho, sân phơi, bến bãi, đất ở hay đất trồng trọt, ao hồ, đầm thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng được cấp hoặc được thuê rồi đem cho thuê lại toàn bộ hay một phần bao gồm cả trường hợp đấu thầu thu tiền hoặc thu hiện vật, cho thuê lâu dài hay cho thuê ngắn hạn hoặc đột xuất; không phân biệt đối tượng thuê là tổ chức hay cá nhân, thuê để ở hay thuê để sản xuất kinh doanh.

— Người nộp thuế là tổ chức hoặc cá nhân cho thuê nhà, cho thuê đất và thu tiền.